

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc

Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2012, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 104/2024/TT-BQP ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024

Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2026.

Căn cứ Nghị định số 104/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Thi hành điểm a khoản 1 Điều 9 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc

(sau đây gọi tắt là Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg), Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau.¹

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

¹ Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Căn cước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 70/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Căn cước;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.”

Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách.”

Thông tư này hướng dẫn việc thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng, trợ cấp một lần, chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc ở biên giới Tây Nam, biên giới phía Bắc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào (sau đây gọi chung là đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế) sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 thuộc địa bàn và thời gian quy định tại Điều 3 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

2. Đối tượng áp dụng

a) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, bao gồm cả lực lượng công an nhân dân vũ trang, bộ đội Biên phòng qua các thời kỳ (gọi chung là quân nhân), người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân, nhập ngũ, tuyển dụng sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có dưới 20 năm phục vụ trong quân đội, cơ yếu, hiện không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động, chế độ bệnh binh hàng tháng thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc trước ngày 01 tháng 4 năm 2000;
- Thương binh đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01 tháng 4 năm 2000; thương binh nặng đang điều dưỡng tại các đoàn điều dưỡng thương binh do ngành Nội vụ² quản lý hoặc đã về gia đình;
- Chuyển ngành hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng rồi thôi việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995; đã có quyết định chuyển ngành trước ngày 01 tháng 4 năm 2000 nhưng không thực hiện được hoặc đã về địa phương mà chưa giải quyết chế độ;
- Phục viên, xuất ngũ đi lao động hợp tác quốc tế hoặc được cử đi lao động hợp tác quốc tế về nước đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01 tháng 4 năm 2000.

b) Công nhân viên chức quốc phòng, công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành (gọi chung là cán bộ, công nhân viên chức) trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế đã thôi việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995, hiện không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hàng tháng.

c) Cán bộ xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cán bộ xã) trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đã thôi việc, hiện không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hàng tháng.

² Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

d) Dân quân tự vệ, công an xã do chính quyền cấp xã tổ chức và quản lý (bao gồm cả thôn, ấp thuộc các xã biên giới) trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đã về gia đình, hiện không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hàng tháng.

đ) Thanh niên xung phong tập trung sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, đã về gia đình, hiện không thuộc diện hưởng chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động hàng tháng.

3. Đối tượng không áp dụng

Thực hiện như khoản 2 Điều 2 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg.

Điều 2. Cách tính thời gian hưởng chế độ

1. Thời gian tính hưởng chế độ đối với đối tượng hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư này là thời gian công tác thực tế trong quân đội, cơ yếu bao gồm thời gian là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, cơ yếu (kể cả thời gian công tác trong lực lượng công an nhân dân) cộng với thời gian trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc các nhóm đối tượng hướng dẫn tại điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều 1 Thông tư này (nếu có); nếu có gián đoạn thì được cộng dồn.

Đối với các trường hợp chuyển ngành rồi thôi việc hoặc đã phục viên, xuất ngũ một thời gian rồi tiếp tục làm việc ở cơ quan, đơn vị, tổ chức ngoài quân đội hoặc đi lao động hợp tác quốc tế, sau đó lại phục viên, xuất ngũ, thôi việc hoặc thương binh nặng đang điều dưỡng tại các đoàn điều dưỡng thương binh thuộc ngành Nội vụ³ quản lý thì thời gian công tác ngoài quân đội, cơ yếu (không trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế), thời gian lao động hợp tác quốc tế, thời gian điều dưỡng tại các đoàn điều dưỡng thương binh do ngành Nội vụ⁴ quản lý không được tính là thời gian hưởng chế độ.

2. Thời gian tính hưởng chế độ đối với các đối tượng hướng dẫn tại điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều 1 Thông tư này là thời gian trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế.

Trường hợp, đối tượng nêu trên có thời gian trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc các nhóm đối tượng khác nhau hoặc có gián đoạn thì được cộng dồn.

³ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁴ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

3. Thời gian hưởng chế độ trợ cấp một lần nếu có tháng lẻ thì từ đủ 6 tháng đến 12 tháng được tính tròn một năm, dưới 6 tháng được tính bằng nửa (1/2) năm; chế độ trợ cấp hàng tháng tính tròn năm (đủ 12 tháng).

Điều 3. Chế độ trợ cấp

1. Chế độ trợ cấp hàng tháng

a) Đối tượng hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư này, có từ đủ 15 năm đến dưới 20 năm công tác được tính hưởng chế độ theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư này (bao gồm cả số đối tượng đã phục viên, xuất ngũ sau ngày 15 tháng 12 năm 1993 hiện đang công tác ở xã có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc mà khi thôi công tác ở xã không đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí theo quy định hoặc đối tượng khi thôi công tác ở xã thuộc diện được cộng nối thời gian phục vụ trong quân đội, cơ yếu với thời gian công tác ở xã nhưng không đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí mà thời gian phục vụ trong quân đội, cơ yếu chưa được tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần) được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng tính theo số năm công tác được tính hưởng chế độ theo quy định nêu trên; mức hưởng cụ thể như sau:

- Từ đủ 15 năm đến dưới 16 năm, mức trợ cấp bằng 925.000 đồng/tháng;
- Từ đủ 16 năm đến dưới 17 năm, mức trợ cấp bằng 971.000 đồng/tháng;
- Từ đủ 17 năm đến dưới 18 năm, mức trợ cấp bằng 1.018.000 đồng/tháng;
- Từ đủ 18 năm đến dưới 19 năm, mức trợ cấp bằng 1.064.000 đồng/tháng;
- Từ đủ 19 năm đến dưới 20 năm, mức trợ cấp bằng 1.110.000 đồng/tháng.

b) Khi Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng thì mức trợ cấp nêu trên cũng được điều chỉnh tương ứng; thời điểm được điều chỉnh thực hiện theo quy định của Chính phủ kể từ sau ngày 01/01/2012.

c) Đối tượng được hưởng trợ cấp hàng tháng từ trần thì thôi hưởng từ tháng tiếp theo; thân nhân của đối tượng từ trần được hưởng trợ cấp một lần bằng 3 tháng trợ cấp hiện hưởng của đối tượng từ trần.

Tham khảo các ví dụ 1, 2, 3 và 4 tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này.

2. Chế độ trợ cấp một lần

a) Đối tượng hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư này, có dưới 15 năm công tác được tính hưởng chế độ theo hướng dẫn tại Điều 2 Thông tư này (bao gồm cả đối tượng đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc hiện đang công tác ở xã có tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc đối tượng có dưới 20 năm công tác trong quân đội, cơ yếu sau đó tham gia công tác ở xã đã nghỉ việc hiện đang hưởng chế độ hưu trí, nhưng khi thôi công tác ở xã, thời gian phục vụ trong quân đội, cơ yếu không

được cộng nối với thời gian công tác ở xã để tính hưởng chế độ bảo hiểm xã hội) được hưởng chế độ trợ cấp một lần tính theo số năm công tác được tính hưởng chế độ theo quy định nêu trên; mức hưởng cụ thể như sau:

- Từ đủ 2 năm trở xuống mức trợ cấp một lần bằng 2.500.000 đồng;
- Trên 2 năm, thì từ năm thứ 3 trở đi cứ mỗi năm được cộng thêm 800.000 đồng.

b) Đối tượng hướng dẫn tại điểm b, c, d và đ khoản 2 Điều 1 Thông tư này được hưởng chế độ trợ cấp một lần tính theo số năm trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, cụ thể như sau:

- Từ đủ 2 năm trở xuống mức trợ cấp một lần bằng 2.500.000 đồng
- Trên 2 năm, thì từ năm thứ 3 trở đi cứ mỗi năm được cộng thêm 800.000 đồng.

c) Mức trợ cấp một lần hướng dẫn tại điểm a, b khoản này được tính theo công thức sau:

Mức trợ cấp = 2.500.000 đồng + [(số năm được tính hưởng - 2 năm) x 800.000 đồng].

Tham khảo các ví dụ 5, 6 tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

d) Đối tượng hướng dẫn tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này đã từ trần trước ngày 01 tháng 01 năm 2012 (bao gồm cả số từ trần khi đang tại ngũ hoặc đang công tác) thì một trong những thân nhân sau đây của đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần bằng 3.600.000 đồng: Vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi; bố đẻ, mẹ đẻ hoặc người nuôi dưỡng hợp pháp.

Điều 4. Chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí

Đối tượng hướng dẫn tại khoản 2 Điều 1 Thông tư này nếu chưa được hưởng chế độ bảo hiểm y tế thì được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, khi từ trần người lo mai táng được hưởng trợ cấp mai táng phí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội hiện hành.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng và trợ cấp một lần cho các đối tượng hướng dẫn tại Điều 3 Thông tư này do ngân sách Trung ương bảo đảm. Kinh phí chi trả trợ cấp hàng tháng Bộ Tài chính cấp cho Bộ Nội vụ⁵ để ủy quyền cho Sở Nội vụ⁶ địa phương chi trả; kinh phí chi trả chế độ trợ cấp một

⁵ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁶ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

lần Bộ Tài chính cấp theo đề nghị của Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ⁷, chuyển các đơn vị, địa phương thực hiện chi trả.

2. Kinh phí chi mua bảo hiểm y tế và thực hiện chế độ mai táng phí hướng dẫn tại Điều 4 Thông tư này do ngân sách địa phương đảm bảo.

3. Kinh phí đảm bảo cho công tác xét duyệt, chi trả chế độ trợ cấp một lần hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này bằng 4% tổng kinh phí chi trả cho các đối tượng do ngân sách Trung ương đảm bảo; kinh phí chi trả trợ cấp hàng tháng thực hiện theo quy định đối với trợ cấp ưu đãi người có công.

Nội dung chi kinh phí đảm bảo cho công tác chi trả gồm: Tuyên truyền, phổ biến chính sách; tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; xét duyệt, thẩm định hồ sơ; sơ, tổng kết; in ấn, tài liệu, mẫu biểu; văn phòng phẩm; sửa chữa nhỏ trang bị phục vụ công tác quản lý, xét duyệt; chi trả ... Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 6. Hồ sơ xét hưởng chế độ

Hồ sơ xét hưởng chế độ quy định tại khoản 1 Điều 7 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, được hướng dẫn thực hiện như sau:

1. Giấy tờ làm căn cứ xét duyệt hưởng chế độ

a) Giấy tờ gốc hoặc được coi như giấy tờ gốc, gồm:

- Quyết định phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc hoặc hết nhiệm vụ hoặc chuyển sang công nhân viên chức quốc phòng rồi thôi việc, quyết định của cơ quan có thẩm quyền cử đi lao động hợp tác quốc tế;

- Phiếu lập sổ trợ cấp phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành;

- Quyết định cấp giấy chứng nhận thương binh và trợ cấp thương tật hoặc bản trích lục hồ sơ thương tật;

- Lý lịch quân nhân, lý lịch cán bộ công chức, viên chức, lý lịch cán bộ hoặc bản trích yếu 63 đối với sĩ quan, phiếu quân nhân; lý lịch đi lao động ở nước ngoài; lý lịch đảng viên; sổ bảo hiểm xã hội (nếu có);

Các giấy tờ gốc nêu trên bao gồm bản chính hoặc bản sao của cấp có thẩm quyền.

- Giấy xác nhận quá trình công tác của cơ quan, đơn vị cũ trước khi đối tượng phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, thôi việc (mẫu 7, bản chính), do thủ trưởng cơ quan, đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên trực tiếp quản lý đối tượng trước khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc, thôi công tác hoặc cử đi

⁷ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

lao động hợp tác quốc tế, chuyển ngành hoặc chuyển sang công nhân viên quốc phòng rồi thôi việc cấp, ký, đóng dấu, kèm theo bản photocopy hồ sơ của đối tượng hoặc danh sách đăng ký, quản lý đối tượng mà cơ quan, đơn vị đang lưu trữ để làm căn cứ xác nhận. Trường hợp cơ quan, đơn vị cũ đã sáp nhập hoặc giải thể thì do cơ quan, đơn vị mới được thành lập sau sáp nhập hoặc cấp trên trực tiếp của cơ quan, đơn vị đã giải thể xác nhận.

b) Giấy tờ liên quan, gồm:

- Quyết định nhập ngũ, tuyển dụng; phong, thăng quân hàm, nâng lương; điều động công tác, bổ nhiệm chức vụ; giao nhiệm vụ;
- Giấy chứng nhận tham gia Thanh niên xung phong; giấy đăng ký quân nhân dự bị; phiếu khám sức khỏe, chuyển thương, chuyển viện;
- Huân, huy chương tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và các hình thức khen thưởng khác;
- Hồ sơ hưởng chính sách người có công, hưởng bảo hiểm xã hội một lần;
- Bản sao⁸ giấy chứng tử, giấy báo tử tử sĩ;
- Các giấy tờ liên quan khác, nếu có.

2⁹. Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp đối với từng đối tượng

a) Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng được lập thành 01 bộ (lưu tại Bộ Tư lệnh quân khu hoặc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội), gồm:

- 01 bản khai cá nhân của đối tượng (Mẫu 1A), bản chính;

Một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét duyệt hướng dẫn tại khoản 1 Điều này (bản chính hoặc bản sao) đủ yếu tố chứng minh đúng đối tượng, điều kiện hưởng chế độ và thời gian công tác của đối tượng theo hướng dẫn tại Điều 1, 2 và khoản 1 Điều 3 Thông tư này;

- Biên bản xét duyệt của Hội đồng chính sách xã (Mẫu 2), bản chính.
- 01 Công văn xét duyệt và đề nghị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội (Mẫu 4), bản chính.

Từng đợt báo cáo các cấp kèm theo Công văn đề nghị (Mẫu 3A); danh sách đối tượng (Mẫu 3B), bản chính.

Hồ sơ bàn giao cho Sở Nội vụ để chi trả chế độ gồm:

- Bản khai cá nhân của đối tượng;
- Bản xét duyệt và đề nghị của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính

⁸ Cụm từ “bản sao” được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội;

- Quyết định và Giấy giới thiệu hưởng trợ cấp hàng tháng của Bộ Tư lệnh quân khu hoặc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

b) Hồ sơ xét hưởng chế độ trợ cấp một lần được lập thành 1 bộ (đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nội vụ: Lưu tại Sở Nội vụ; đối tượng thuộc Bộ Quốc phòng giải quyết: Lưu tại Bộ Tư lệnh quân khu hoặc Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội), gồm:

- 01 bản khai cá nhân của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (đối với đối tượng đã từ trần), Mẫu 1B hoặc 1C, bản chính;

- 01 bản sao giấy chứng tử hoặc giấy báo tử tử sĩ (đối với đối tượng đã từ trần). Trường hợp cơ quan tiếp nhận hồ sơ khai thác được giấy chứng tử từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có liên quan thì thân nhân của đối tượng không phải nộp giấy chứng tử;

- Một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét duyệt hướng dẫn tại khoản 1 Điều này (nếu có);

- 01 Biên bản xét duyệt của Hội đồng chính sách xã (Mẫu 2), bản chính.

Từng đợt báo cáo các cấp kèm theo Công văn đề nghị (Mẫu 3A); danh sách đối tượng (Mẫu 3C), bản chính.

Điều 7¹⁰. Trách nhiệm và trình tự thực hiện

1. Đối với đối tượng hoặc thân nhân đối tượng (đối với đối tượng đã từ trần)

- Làm bản khai theo mẫu quy định;

- Nộp cho Ủy ban nhân dân xã nơi thường trú các giấy tờ sau:

+ Đối với đối tượng đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng, gồm: 01 bản khai cá nhân theo Mẫu 1A (bản chính); một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét duyệt hướng dẫn tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này (bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu), đủ yếu tố chứng minh đúng đối tượng, đủ điều kiện hưởng chế độ và thời gian công tác của bản thân.

+ Đối với đối tượng đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp một lần, gồm: 01 bản khai theo Mẫu 1B hoặc 1C (bản chính); một hoặc một số giấy tờ làm căn cứ xét duyệt hướng dẫn tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này (bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu).

- Nhận thông báo kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân xã nơi thường trú theo thời gian quy định.

2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

¹⁰ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

a) Thành lập Hội đồng chính sách xã do Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân làm chủ tịch Hội đồng, đại diện Ban chỉ huy quân sự xã, công chức văn hóa xã hội (phụ trách nội vụ) làm thường trực và các thành viên gồm: Đại diện Đảng ủy (hoặc chi bộ đối với nơi không có đảng bộ), Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Cựu thanh niên xung phong. Hội đồng chính sách xã chịu trách nhiệm tổ chức hội nghị xét duyệt, đề nghị hưởng chế độ đối với từng đối tượng, theo từng đợt.

Khi tổ chức hội nghị xét duyệt Hội đồng chính sách xã mời Trưởng thôn, Bí thư chi bộ thôn có đối tượng, Ban liên lạc Hội Cựu thanh niên xung phong và một số đại biểu đại diện cán bộ nguyên phụ trách cấp ủy, cơ quan quân sự của địa phương thời kỳ chiến tranh; đại biểu đối tượng đã hưởng chế độ theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg cùng tham dự.

b) Chỉ đạo cơ quan thuộc quyền tiếp nhận hồ sơ của đối tượng hoặc thân nhân đối tượng là người thường trú tại địa phương và đối tượng là người địa phương hiện đang thường trú ở địa phương khác có yêu cầu xác nhận hồ sơ để hưởng chế độ; tổng hợp, kiểm tra, rà soát chuyển Hội đồng chính sách xã tổng hợp, phân loại hồ sơ; tổ chức hội nghị xét duyệt dân chủ, công khai, chặt chẽ, chính xác theo quy định sau đây:

- Tổ chức xét duyệt hồ sơ đối tượng hưởng trợ cấp một lần, thành 3 giai đoạn:
 - + Giai đoạn 1: Xét duyệt nhóm đối tượng có giấy tờ gốc hoặc được coi như giấy tờ gốc;
 - + Giai đoạn 2: Xét duyệt nhóm đối tượng có giấy tờ liên quan;
 - + Giai đoạn 3: Xét duyệt nhóm đối tượng không có giấy tờ.

(Quá trình tổ chức xét duyệt, kết hợp xét duyệt hồ sơ đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần với xét duyệt hồ sơ đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng).

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ do theo từng đợt, Ủy ban nhân dân xã hoàn thành việc xét duyệt, lập và xác nhận hồ sơ cho từng đối tượng; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Bộ chỉ huy quân sự tỉnh) đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng, gồm quân nhân, cơ yếu, công nhân viên chức quốc phòng, dân quân tự vệ; qua Sở Nội vụ đối với đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm công nhân viên chức nhà nước, chuyên gia các ngành, cán bộ xã, công an xã, thanh niên xung phong.

Những trường hợp chưa rõ đối tượng, thời gian tính hưởng chế độ hoặc có khiếu nại, tố cáo thì để lại xác minh, làm rõ, nếu đủ điều kiện thì báo cáo sau.

c) Căn cứ vào danh sách và quyết định hưởng chế độ của cấp có thẩm quyền, chỉ đạo cơ quan thuộc quyền tổ chức chi trả chế độ cho đối tượng bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử và báo cáo về Bộ chỉ huy quân sự tỉnh.

d) Đối với trường hợp đối tượng sinh quán ở địa phương, hiện đang

thường trú ở địa phương khác, có yêu cầu xác nhận hồ sơ thì sau khi Hội đồng chính sách xã xét duyệt, nếu đủ điều kiện, Ủy ban nhân dân xã xác nhận và đề nghị Ủy ban nhân dân xã nơi đối tượng đang thường trú xem xét, đề nghị hưởng chế độ theo quy định.

3. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh tiếp nhận hồ sơ do Ủy ban nhân dân xã báo cáo; trong thời gian 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (theo từng đợt) hoàn thành việc xét duyệt, tổng hợp, báo cáo đề nghị cấp có thẩm quyền theo quy định sau đây:

- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh: Tiếp nhận hồ sơ đối tượng do Ủy ban nhân dân xã báo cáo; tổ chức xét duyệt, tổng hợp, báo cáo, đề nghị Bộ Tư lệnh quân khu thẩm định (qua Phòng Chính sách), kèm theo hồ sơ và danh sách đối tượng (Mẫu 3B, 3C);

Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội: Tiếp nhận hồ sơ đối tượng do Ủy ban nhân dân xã báo cáo; tổ chức xét duyệt, tổng hợp đề nghị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần, chế độ trợ cấp hàng tháng.

- Sở Nội vụ: Tiếp nhận hồ sơ đối tượng do Ủy ban nhân dân xã báo cáo; tổ chức xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần (Mẫu 5) theo quy định và lưu trữ mỗi đối tượng 01 bộ hồ sơ.

b) Chỉ đạo Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội bàn giao hồ sơ đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng; quyết định và danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần cho Sở Nội vụ quản lý, chi trả trợ cấp hàng tháng, thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí cho các đối tượng theo quy định;

c) Chỉ đạo Sở Nội vụ căn cứ vào quyết định hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng; quyết định và danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần của cấp có thẩm quyền theo quy định của Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, hướng dẫn và thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí cho các đối tượng theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội hiện hành;

d) Tổng hợp, lập dự toán ngân sách bảo đảm chi trả chế độ cho đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết, báo cáo Bộ Nội vụ tổng hợp, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí;

đ) Chỉ đạo Sở Nội vụ tiếp nhận quyết định, hồ sơ đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng; quyết định và danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội bàn giao, kịp thời chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng bằng hình thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trên môi trường điện tử và thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, mai táng phí cho các đối tượng theo quy định;

e) Chủ trì kiểm tra việc thực hiện và giải quyết những vướng mắc, phát sinh tại địa phương.

4. Đối với Bộ Tư lệnh các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thuộc quyền triển khai thực hiện việc xét duyệt, thẩm định, báo cáo theo quy định;

b) Căn cứ kết quả xét duyệt, đề nghị của cơ quan chức năng, trong 05 ngày làm việc, ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần (Mẫu 5), chế độ trợ cấp hàng tháng (05 bản chính, Mẫu 6A) cho đối tượng; cấp giấy giới thiệu (03 bản chính Mẫu 6B). Báo cáo danh sách hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng; quyết định và danh sách hưởng chế độ trợ cấp một lần về Cục Chính sách-Xã hội/Tổng cục Chính trị để quản lý, theo dõi; báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng) kèm theo quyết định và danh sách đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần để tổng hợp, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí;

c) Lưu trữ, số hóa hồ sơ đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần, chế độ trợ cấp hàng tháng. Đồng thời, chuyển hồ sơ đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng về Bộ chỉ huy quân sự cấp tỉnh hoặc Cục Chính trị Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội và quyết định kèm theo danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần để bàn giao Sở Nội vụ chi trả chế độ;

d) Chỉ đạo, kiểm tra giải quyết những vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện;

đ) Chỉ đạo, thực hiện việc trả lại các giấy tờ gốc, giấy tờ được coi là giấy tờ gốc và giấy tờ liên quan (bản chính) cho đối tượng.

5. Đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Quốc phòng

Chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền có trách nhiệm xác nhận quá trình công tác cho đối tượng thuộc phạm vi quản lý của đơn vị (Mẫu 7) khi có đề nghị của đối tượng hoặc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, bảo đảm tính chính xác, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về xác nhận đó.

6. Đối với các cơ quan chức năng Bộ Quốc phòng

a) Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị

- Phối hợp, chỉ đạo tuyên truyền, phổ biến chế độ, chính sách; hướng dẫn việc tổ chức thực hiện.

- Kiểm tra kết quả xét duyệt, quyết định (kèm theo danh sách) hưởng chế độ trợ cấp một lần, chế độ trợ cấp hàng tháng của các quân khu và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.

- Lưu trữ, theo dõi quyết định kèm theo danh sách đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần và danh sách hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng do đơn vị báo cáo.

- Chủ trì, phối hợp kiểm tra, giải quyết những vướng mắc, phát sinh; tổng hợp báo cáo theo quy định.

b) Cục Tài chính/Bộ Quốc phòng

- Tiếp nhận quyết định và danh sách đối tượng hưởng chế độ trợ cấp một lần do đơn vị báo cáo; tổng hợp, báo cáo Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Tài chính

bảo đảm kinh phí.

- Thông báo kinh phí để các đơn vị chi trả kịp thời cho đối tượng.
- Chỉ đạo và thực hiện thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.
- Phối hợp chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

c) Cục Cán bộ/Tổng cục Chính trị; Cục Quân lực/Bộ Tổng Tham mưu

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý xác nhận quá trình công tác trong quân đội cho đối tượng theo yêu cầu, bảo đảm chặt chẽ, chính xác; phối hợp chỉ đạo, kiểm tra và giải quyết các vướng mắc phát sinh trong tổ chức thực hiện.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Quốc phòng

a) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện các chế độ hướng dẫn tại Thông tư này; ủy quyền Tổng cục Chính trị ký công văn đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí chi trả trợ cấp một lần đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Quốc phòng.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức xét duyệt, thẩm định, ra quyết định hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng; xét duyệt, thẩm định, ra quyết định và chi trả chế độ trợ cấp một lần chặt chẽ, kịp thời và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

c) Đề án, hướng dẫn việc điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng của đối tượng khi Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp hàng tháng theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

d) Chủ trì phối hợp giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Bộ Nội vụ¹¹

a) Chỉ đạo ngành Nội vụ¹² phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể địa phương trong việc xét duyệt và chi trả chế độ trợ cấp một lần đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh và thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, chế độ mai táng phí theo quy định.

b) Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chế độ theo đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh, đề nghị Bộ Tài chính bảo đảm kinh phí. Phân bổ và giao dự toán

¹¹ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹² Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

ngân sách cho các tỉnh thực hiện chi trả chế độ cho các đối tượng và chỉ đạo thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

c) Chỉ đạo, thực hiện việc điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng của đối tượng khi Chính phủ điều chỉnh lương hưu, trợ cấp hàng tháng theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

3. Bộ Tài chính

a) Căn cứ đề nghị cấp phát kinh phí của Bộ Quốc phòng, Nội vụ¹³ bảo đảm kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng, chế độ trợ cấp một lần theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và thẩm định quyết toán theo quy định hiện hành.

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra định kỳ, đột xuất việc sử dụng kinh phí thực hiện chế độ đối với các đối tượng theo quy định của pháp luật.

4. Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam

Chỉ đạo Hội Cựu chiến binh các cấp cử thành phần tham gia Ban Chỉ đạo và Hội đồng chính sách cấp xã; phối hợp với các cơ quan, đoàn thể địa phương rà soát, phát hiện đối tượng, tham gia xét duyệt các đối tượng được hưởng chế độ, chính sách theo hướng dẫn tại Thông tư này.

5. Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam

Chỉ đạo Hội Cựu thanh niên xung phong các cấp cử thành phần tham gia Ban Chỉ đạo và Hội đồng chính sách cấp xã; phối hợp với các cơ quan, đoàn thể địa phương rà soát, phát hiện đối tượng, tham gia xét duyệt các đối tượng được hưởng chế độ, chính sách theo hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 9. Hiệu lực thi hành¹⁴

¹³ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁴ Điều 7 và Điều 8 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024 quy định như sau:

“Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

2. Các mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận của đối tượng chính sách trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo các quy định tại Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 21/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 144/2008/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 190/2011/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 102/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC, Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Tổng Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, chỉ huy các cơ quan, đơn vị trong Bộ Quốc phòng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./”.

Điều 19, Điều 20 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP ngày 26 tháng 9 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

quy định như sau:

Điều 19. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

2. Thay thế một số cụm từ sau:

a) Thay thế cụm từ “Lao động - Thương binh và Xã hội” bằng cụm từ “Nội vụ” tại các điều, khoản, điểm sau đây:

- Tại điểm b khoản 3 Mục II Thông tư liên tịch số 27/2004/TTLT-BQP-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2004 của Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 215/2003/QĐ-TTg ngày 24 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ đối với quân nhân, công nhân viên quốc phòng trực tiếp làm công tác quản lý giáo dục, chăm sóc khám chữa bệnh hoặc đấu tranh với các đối tượng nhiễm HIV/AIDS;

- Tại Điều 4, khoản 2 Điều 5 Thông tư số 53/2024/TT-BQP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

b) Thay thế cụm từ “Cục Chính sách” bằng cụm từ “Cục Chính sách - Xã hội” tại các điều, khoản, điểm sau đây:

- Tại điểm a, điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 5, khoản 3 Điều 7 Thông tư số 06/2015/TT-BQP ngày 19 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định, hướng dẫn vận động đóng góp, quản lý và sử dụng Quỹ Đền ơn đáp nghĩa trong Bộ Quốc phòng;

- Tại khoản 1 Điều 5, khoản 2 Điều 8 Thông tư số 53/2024/TT-BQP ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định điều chỉnh trợ cấp hằng tháng đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.

3. Các mẫu giấy tờ là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp nhận của đối tượng chính sách trước ngày Thông tư này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì tiếp tục được giải quyết theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nhận hồ sơ.

4. Hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (khi có đủ điều kiện) theo quy định tại Thông tư này được thực hiện như sau:

a) Tổ chức, cá nhân chuẩn bị hồ sơ điện tử, kê khai mẫu đơn, tờ khai điện tử theo yêu cầu của hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến;

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia thông qua tài khoản định danh điện tử do hệ thống định danh và xác thực điện tử tạo lập được kết nối, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính khai thác thông tin, dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia, Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và hệ thống thông tin theo quy định pháp luật và bổ sung giấy tờ, tài liệu vào thành phần hồ sơ của cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, không yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp, xuất trình những giấy tờ, tài liệu này.

5. Đối với đối tượng công an nhân dân đề nghị hưởng chế độ theo Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg đã nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành mà chưa được xét duyệt, ra quyết định hưởng chế độ thì trách nhiệm, trình tự giải quyết thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nhận hồ sơ; trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng chế độ từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Công an theo quy định tại Điều 1 Quyết định số 22/2025/QĐ-TTg ngày 10 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia kháng chiến, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Bộ, ngành, địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Bộ Quốc phòng (qua Cục Chính sách - Xã hội/Tổng cục Chính trị) để xem xét, giải quyết./”

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2012.
 2. Chế độ trợ cấp hàng tháng hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư này được thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.
 3. Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012, quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc thuộc đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo quy định tại Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008; Quyết định số 38/2010/QĐ-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ mà chưa có Quyết định hưởng trợ cấp một lần của cấp có thẩm quyền thì được áp dụng thực hiện mức hưởng trợ cấp theo quy định tại điểm a, điểm d khoản 2 Điều 3 Thông tư này.
 4. Trường hợp đối tượng có thời gian trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế ở nhiều cơ quan, đơn vị khác nhau thì các Bộ, ngành căn cứ vào cơ quan, đơn vị công tác cuối cùng của đối tượng để thực hiện trách nhiệm giải quyết chế độ cho đối tượng theo quy định tại Điều 9 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg.
 5. Những người có hành vi làm sai lệch hoặc giả mạo hồ sơ để hưởng chế độ thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự và phải hoàn trả lại số tiền đã nhận; bồi thường thiệt hại (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về liên Bộ (qua Bộ Quốc phòng) để xem xét, giải quyết./.

BỘ QUỐC PHÒNGSố: **38** /VBHN-BQP**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**Hà Nội, ngày **24** tháng **02** năm 2026**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Lãnh đạo BQP;
- Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính, Bộ Công an;
- BTM, TCCT;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc BQP;
- Ban Cơ yếu Chính phủ;
- Các Cục: Chính sách-Xã hội⁽⁰³⁾, Cán bộ, Quân lực, Tài chính, Pháp chế;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL/Bộ Tư pháp;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Công TTĐT ngành Chính sách QĐ (để đăng tải);
- Lưu: VT, NCTH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Thượng tướng Nguyễn Văn Gấu**

Phụ lục I**MỘT SỐ VÍ DỤ MINH HỌA**

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012)

Ví dụ 1. Ông Nguyễn Văn A, nhập ngũ tháng 5/1975, năm 1978 tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở biên giới Tây Nam, ông A được phục viên (xuất ngũ) tháng 9/1992.

Cách tính hưởng chế độ đối với ông Nguyễn Văn A như sau:

Thời gian công tác thực tế trong quân đội của ông Nguyễn Văn A từ tháng 5/1975 đến tháng 9/1992 là 17 năm 5 tháng. Mức hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng là 1.018.000 đồng.

Ví dụ 2. Ông Trần Văn B, nhập ngũ tháng 10/1975, tháng 01/1979 ông B làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, tháng 10/1991 được chuyển ngành, đến năm 1993 về nghỉ hưởng chế độ thôi việc.

Cách tính hưởng chế độ đối với ông Trần Văn B như sau:

Thời gian công tác thực tế trong quân đội từ tháng 10/1975 đến tháng 10/1991 là 16 năm 01 tháng. Mức hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng là 971.000 đồng (thời gian chuyển ngành công tác ngoài quân đội không được tính hưởng chế độ).

Ví dụ 3. Ông Hoàng Văn C, nhập ngũ tháng 5/1975 và tham gia chiến đấu ở biên giới Tây Nam, do sức khỏe yếu đơn vị giải quyết chế độ xuất ngũ tháng 01/1978; tháng 01/1979 ông Hoàng Văn C tham gia công tác ở xã thuộc xã biên giới phía Bắc và trực tiếp tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu từ tháng 02/1979 đến tháng 01/1981, tháng 02/1982 tái ngũ vào quân đội đến tháng 01/1993 ông C được phục viên.

Thời gian hưởng chế độ đối với ông Hoàng Văn C được tính như sau:

Thời gian công tác thực tế trong quân đội là 13 năm 9 tháng (gồm: Lần thứ nhất từ tháng 5/1975 đến 01/1978 là 2 năm 9 tháng; lần thứ hai từ tháng 02/1982 đến tháng 01/1993 là 11 năm 0 tháng); thời gian là cán bộ xã trực tiếp tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu ở biên giới phía Bắc được tính hưởng chế độ từ tháng 02/1979 đến tháng 01/1981 là 02 năm 0 tháng. Tổng số thời gian công tác được tính hưởng chế độ là 15 năm 9 tháng. Ông C đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng. Mức hưởng là 925.000 đồng/tháng.

Ví dụ 4. Ông Trần Đình K được hưởng trợ cấp hàng tháng từ tháng 01/2012 với mức 925.000 đồng/tháng, đến tháng 5/2012 ông Nguyễn Đình K từ trần, gia đình Ông K được hưởng chế độ trợ cấp đến hết tháng 5/2012 và nhân thân của Ông K được hưởng trợ cấp một lần là:

$03 \text{ tháng} \times 925.000 \text{ đồng/tháng} = 2.775.000 \text{ đồng.}$

Ví dụ 5. Ông Hoàng Văn D, nhập ngũ tháng 4/1977, năm 1978 tham gia chiến đấu phục vụ chiến đấu ở biên giới Tây Nam, do sức khỏe yếu, tháng 9/1980 ông D phục viên (xuất ngũ) về địa phương. Thời gian công tác thực tế trong quân đội là 3 năm 6 tháng, được tính là 4 năm (từ tháng 4/1977 đến tháng 9/1980).

Số tiền trợ cấp một lần của ông Hoàng Văn D được hưởng là:

$$2.500.000 \text{ đồng} + [(4 \text{ năm} - 2 \text{ năm}) \times 800.000 \text{ đồng}] = 4.100.000 \text{ đồng}.$$

Ví dụ 6. Bà Nguyễn Thị Q, tham gia thanh niên xung phong tập trung tháng 02/1979, từ tháng 5/1979 đến tháng 10/1982 bà Q trực tiếp tham gia phục vụ chiến đấu ở huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang, tháng 01/1998 về địa phương.

Cách tính hưởng trợ cấp một lần đối với bà Q như sau:

Thời gian trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc từ tháng 5/1979 đến tháng 10/1982 là 3 năm 5 tháng, được tính là 3,5 năm. Chế độ được hưởng là:

$$2.500.000 \text{ đồng} + [(3,5 \text{ năm} - 2 \text{ năm}) \times 800.000 \text{ đồng}] = 3.700.000 \text{ đồng}.$$

Phụ lục II¹⁵

(Kèm theo Thông tư số 104/2024/TT-BQP
ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

Mẫu 1A	Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng
Mẫu 1B	Bản khai cá nhân đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần
Mẫu 1C	Bản khai thân nhân đề nghị hưởng chế độ trợ cấp
Mẫu 2	Biên bản họp Hội đồng chính sách xã
Mẫu 3A	Công văn đề nghị hưởng chế độ trợ cấp (dùng cho cấp xã trở lên)
Mẫu 3B	Danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng (dùng cho cấp xã trở lên)
Mẫu 3C	Danh sách đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp một lần (dùng cho cấp xã trở lên)
Mẫu 4	Công văn xét duyệt, đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng (dùng cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố)
Mẫu 5	Quyết định về việc thực hiện chế độ trợ cấp một lần (dùng cho BTL quân khu, BTL Thủ đô Hà Nội, UBND tỉnh, thành phố)
Mẫu 6A	Quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng (dùng cho BTL quân khu, BTL Thủ đô Hà Nội ¹⁶)
Mẫu 6B	Giấy giới thiệu chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng (dùng cho BTL quân khu, BTL Thủ đô Hà Nội ¹⁷)
Mẫu 7	Giấy xác nhận quá trình công tác

¹⁵ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư số 104/2024/TT-BQP thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính, có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 11 năm 2024.

¹⁶ Cụm từ “Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị” được thay thế bằng cụm từ “Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁷ Cụm từ “Cục Chính sách/Tổng cục Chính trị” được thay thế bằng cụm từ “Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội” theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN

**Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg
ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ**

Họ và tên: Bí danh: Nam, nữ.
Thuộc đối tượng (quân nhân, cơ yếu):
Ngày, tháng, năm sinh: .../.../.....
Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước).....
Quê quán:
Nơi thường trú:
.....
Vào Đảng: Chính thức:
Nhập ngũ, tuyển dụng: Ngày ... tháng năm Đơn vị, cơ quan khi
nhập ngũ, tuyển dụng (c, d, e, f):
Phục viên, xuất ngũ; chuyển ngành; thôi việc: Ngày tháng năm ...
Tái ngũ: Ngày tháng năm, đơn vị (c, d, e, f ...)
Phục viên, xuất ngũ: Ngày tháng năm
Nơi phục viên, xuất ngũ; thôi việc: Xã¹⁸ tỉnh
Nghề nghiệp sau khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc:
Hiện nay đang được hưởng chế độ gì: Hưu trí, bệnh binh, mất sức lao
động hàng tháng hoặc chưa được hưởng chính sách gì:
Đã thuộc đối tượng được hưởng chế độ bảo hiểm y tế chưa?
Các giấy tờ còn lưu giữ:
.....
.....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

**(Từ khi nhập ngũ, tuyển dụng đến khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc;
chuyển ngành)**

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, chức vụ	Đơn vị (c, d, e, f)	Địa bàn công tác (xã,¹⁹ tỉnh)

¹⁸ Từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

¹⁹ Từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Tổng thời gian công tác thực tế trong quân đội, cơ yếu là năm tháng.				

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày tháng năm 20

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI CÁ NHÂN

**Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg
ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ**

Họ và tên: Bí danh: Nam, nữ.

Thuộc đối tượng (quân nhân; cơ yếu; công nhân, viên chức; chuyên gia; cán bộ xã, phường; thanh niên xung phong; dân quân tự vệ, công an xã): ...

Ngày, tháng, năm sinh: .../.../..... Số định danh cá nhân (CCCD/Căn cước).....

Quê quán:

Nơi thường trú:

Vào Đảng: Chính thức:

Ngày nhập ngũ hoặc tuyển dụng hoặc tham gia các tổ chức : Ngày ... tháng năm

Đơn vị khi nhập ngũ (c, d, e, f) hoặc cơ quan tuyển dụng, tổ chức quản lý:

Phục viên, xuất ngũ; thôi việc hoặc hết nhiệm vụ: Ngày tháng năm

Tái ngũ: Ngày tháng năm, đơn vị (c, d, e, f ...)

Phục viên, xuất ngũ: Ngày tháng năm

Nơi phục viên, xuất ngũ; thôi việc hoặc hết nhiệm vụ: Xã²⁰
..... tỉnh

Nghề nghiệp sau khi phục viên, xuất ngũ; thôi việc hoặc hết nhiệm vụ:

Hiện nay đang được hưởng chế độ gì: Hưu trí, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng hoặc chưa được hưởng chính sách gì:

Đã thuộc đối tượng được hưởng chế độ bảo hiểm y tế chưa?

²⁰ Từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Các giấy tờ còn lưu giữ:

.....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

(Từ khi nhập ngũ, tuyển dụng hoặc tham gia các tổ chức đến khi về địa phương)

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, chức vụ, chức danh	Đơn vị (c, d, e, f); tên cơ quan, tổ chức	Địa bàn công tác (xã ²¹ tỉnh)

Tổng thời gian công tác thực tế là năm tháng.

Thời gian trực tiếp tham gia chiến tranh BVTQ, làm nhiệm vụ quốc tế là: năm tháng.

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày tháng năm 20

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

²¹ Từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÂN NHÂN

**Đề nghị hưởng chế độ trợ cấp theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày
09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ**
(Đối với đối tượng đã từ trần)

1. Phần khai về thân nhân của đối tượng

Họ và tên: Bí danh: Nam, nữ.
Ngày, tháng, năm sinh: Số định danh cá nhân
(CCCD/Căn cước).....
Quê quán:
Nơi thường trú:
Đơn vị, cơ quan công tác hiện nay:
Quan hệ với đối tượng khai dưới đây là

2. Phần khai về đối tượng

Họ và tên: Bí danh: Nam, nữ.
Thuộc đối tượng (quân nhân; cơ yếu, công nhân, viên chức; cán bộ xã,
phường; thanh niên xung phong; dân quân tự vệ, công an xã):
Năm sinh:
Quê quán:
Nơi thường trú:
Từ trần: Ngày tháng năm tại:
.....
Ngày nhập ngũ hoặc tuyển dụng hoặc tham gia các tổ chức: Ngày
tháng năm
Đơn vị khi nhập ngũ (c, d, e, f) hoặc cơ quan tuyển dụng, tổ chức quản lý
.....
.....
Phục viên, xuất ngũ; thôi việc hoặc hết nhiệm vụ: Ngày ... tháng ... năm
.....
Tái ngũ: Ngày tháng năm, đơn vị (c, d, e, f ...)
Phục viên, xuất ngũ: Ngày tháng năm

Nơi phục viên, xuất ngũ; thôi việc hoặc hết nhiệm vụ: Xã
²² tỉnh

Tổng thời gian công tác trong quân đội, cơ yếu hoặc tham gia các tổ chức:
 năm tháng.

Trong đó thời gian trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm
 nhiệm vụ quốc tế: năm tháng (Từ tháng năm đến tháng
 năm)

Nghề nghiệp sau khi phục viên, xuất ngũ; thôi việc hoặc hết nhiệm vụ:

.....

Đã được hưởng chế độ gì: Hưu trí, bệnh binh, mất sức lao động hàng
 tháng hoặc chưa được hưởng chính sách gì:

Các giấy tờ còn lưu giữ:

.....

.....

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

(Từ khi nhập ngũ, tuyển dụng hoặc tham gia các tổ chức đến khi về địa phương)

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, chức vụ, chức danh	Đơn vị (c, d, e, f); tên cơ quan, tổ chức	Địa bàn công tác (xã ²³ tỉnh)

²² Từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

²³ Từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Tổng thời gian công tác thực tế là năm tháng.

Thời gian trực tiếp tham gia chiến tranh BVTQ, làm nhiệm vụ quốc tế là: năm tháng.

Tôi xin cam đoan lời khai trên đây là đúng, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Ngày tháng năm 20

NGƯỜI KHAI

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ý KIẾN ỦY QUYỀN VÀ CHỮ KÝ CỦA CÁC THÂN NHÂN CÒN LẠI
(NẾU CÓ)**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG CHÍNH SÁCH XÃ

Xét duyệt, đề nghị hưởng chế độ theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ

Hôm nay, ngày tháng năm 20

Hội đồng chính sách xã (phường)

²⁴ tỉnh (thành phố)

Chúng tôi gồm:

1. Chủ tịch Hội đồng chính sách xã: Chức vụ
2. Đại diện cán bộ quân sự: Chức vụ
3. Đại diện ngành Nội vụ ²⁵: Chức vụ
4. Đại diện Đảng ủy xã (chi bộ): Chức vụ
5. Đại diện Hội Cựu chiến binh xã: Chức vụ
6. Đại diện Hội Cựu TNXP: Chức vụ
7. Đại diện Mặt trận Tổ quốc xã: Chức vụ
8. Trưởng thôn:

Thành phần khác được mời:

1. Đại diện chi Hội Cựu chiến binh
2. Đại diện
3.
4.

²⁴ Cụm từ “huyện (quận)” được bãi bỏ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

²⁵ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Đã họp để xem xét, đề nghị đối tượng hưởng chế độ theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhất trí đề nghị:

Ông (bà): Bí danh: sống (chết).

Sinh năm: Từ trần ngày tháng năm

Quê quán:

Nơi thường trú:

Là đối tượng tham gia chiến tranh BVTQ, làm nhiệm vụ quốc tế, thuộc đối tượng (quân nhân; cơ yếu; công nhân, viên chức; cán bộ xã, phường; thanh niên xung phong; dân quân tự vệ, công an xã)

Nhập ngũ hoặc tuyển dụng hoặc tham gia các tổ chức: Ngày tháng năm

Phục viên, xuất ngũ; thôi việc hoặc hết nhiệm vụ: Ngày tháng năm

Tổng thời gian công tác: năm tháng.

Trong đó, thời gian được tính hưởng theo quy định: năm tháng.

Hiện đang được hưởng chế độ nghỉ hưu, bệnh binh, mất sức lao động hàng tháng (hoặc chưa được hưởng chính sách gì):

Các giấy tờ của đối tượng còn lưu giữ:

Đề nghị cấp trên cung cấp và giải quyết chế độ (1) cho Ông (Bà) hoặc thân nhân của đối tượng là Ông (Bà) .. được hưởng chế độ theo quy định hiện hành.

Biên bản lập thành bản, các đại diện có mặt nhất trí cùng ký tên dưới đây:

**Đại diện
Đảng ủy xã**
(Ký, ghi rõ họ
tên)

**Đại diện
Cán bộ ngành
Nội vụ²⁶**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Xã đội trưởng
(Ký, ghi rõ họ
tên)

**Chủ tịch
Hội đồng chính sách**
(Ký, ghi rõ họ tên)

²⁶ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

**Đại diện
Hội Cựu
TNXP**
(Ký, ghi rõ họ
tên)

**Đại diện
Hội Cựu chiến binh**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng thôn
(Ký, ghi rõ họ
tên)

**Đại diện
Mặt trận Tổ quốc**
(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Trợ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần.

.....
(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/....., ngày tháng năm 20.....

V/v đề nghị hưởng chế độ
 theo Quyết định số
 62/2011/QĐ-TTg

Kính gửi:

.....(2)

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính về thực hiện chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc; Thông tư số/2024/TT-BQP ngày tháng... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính;

Căn cứ vào hồ sơ của đối tượng và đề nghị của

(1) đề nghị (2) giải quyết chế độ (3) cho đối tượng.
 (có danh sách và hồ sơ kèm theo).

Đề nghị (2) xem xét giải quyết.

Nơi nhận:

-
-
-
- Lưu:

..... (4)
 (Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Mẫu này dùng cho cấp xã (phường) trở lên;
- (1) Cấp đề nghị;
- (2) Cấp trên trực tiếp;
- (3) Chế độ trợ cấp hàng tháng hoặc trợ cấp một lần;
- (4) Chức vụ người ký.

**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THAM GIA CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC, LÀM NHIỆM
VỤ QUỐC TẾ ĐÃ PHỤC VIÊN, XUẤT NGŨ, THÔI VIỆC**

**Được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011
của Thủ tướng Chính phủ**

(Kèm theo Công văn đề nghị số ngày tháng năm 20 của)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi thường trú	Số năm được hưởng	Mức trợ cấp (đồng/tháng)	Ghi chú

- Tổng số đối tượng:

....., ngày tháng năm

.....

- Tổng số tiền: đồng/tháng.

..... (Ký tên, đóng dấu) (2)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

(Ký tên, ghi rõ cấp bậc, hoặc chức vụ)

Ghi chú:

- Mẫu này dùng cho từ cấp xã (phường) trở lên

- (1) Cấp đề nghị.

- (2) Chức vụ người ký.

**DANH SÁCH ĐỐI TƯỢNG THAM GIA CHIẾN TRANH BẢO VỆ TỔ QUỐC, LÀM NHIỆM VỤ
QUỐC TẾ ĐÃ PHỤC VIÊN, XUẤT NGŨ, THỜI VIỆC**

**Được hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của
Thủ tướng Chính phủ**

(Kèm theo Công văn đề nghị số ngày tháng năm 20 của)

Số TT	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Nơi thường trú	Sống hay chết	Số năm được hưởng	Mức trợ cấp (đồng)	Ghi chú

- Tổng số đối tượng:

....., ngày tháng năm

- Tổng số tiền:

.....
(Ký tên, đóng dấu) (2)

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

(Ký tên, ghi rõ cấp bậc, hoặc chức vụ)

Ghi chú:

- Mẫu này dùng cho từ cấp xã (phường) trở lên
- (1) Cấp đề nghị.
- (2) Chức vụ người ký.
- Số năm được hưởng từ 2 năm trở xuống ghi bằng 2 năm.

.....
(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm 20.....

V/v xét duyệt và đề nghị đối
 tượng hưởng chế độ trợ cấp
 hàng tháng theo Quyết định
 số 62/2011/QĐ-TTg

Kính gửi: (2)

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư số/2024/TT-BQP ngày... tháng... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính;

Căn cứ hồ sơ của đối tượng và văn bản đề nghị của các cấp,

..... (1) đã tổ chức xét duyệt và đề nghị:

Ông (Bà): Bí danh:

Là đối tượng (quân nhân, cơ yếu):

Sinh ngày tháng năm

Quê quán:

Nơi thường trú:

Thuộc đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng.

Nhập ngũ, tuyển dụng: Ngày tháng năm; Phục viên, xuất ngũ, thôi việc: Ngày tháng năm

Tái ngũ: Ngày tháng năm; Phục viên, xuất ngũ: Ngày tháng năm

Tổng thời gian được tính hưởng chế độ là năm tháng.

Số tiền trợ cấp là: đồng/tháng.

(Bằng chữ:)

(có hồ sơ kèm theo).

..... (1) xét duyệt chế độ, mức hưởng nêu trên của đối tượng là đúng và chịu trách nhiệm về sự xác nhận này. Đề nghị cấp trên xem xét và giải quyết.

Nơi nhận:

-
- Lưu:

..... (3)
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Mẫu này dùng cho Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (TP) và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội.
- (1) Đơn vị cấp đề nghị;
- (2) Cấp thẩm định, ra quyết định.
- (3) Chức vụ người ký.

.....
(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-.....

....., ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ

..... (1)

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư số /2024/TT-BQP ngày... tháng... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của (2),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay giải quyết chế độ trợ cấp một lần cho: đối tượng,
 Là đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc (hoặc đã từ trần).

Với số tiền là đồng.

(Bằng chữ:).

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. (2) và các ông (bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

..... (3)
 (Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

-
-
-
- Lưu: VT.....

Ghi chú:

(1) BTL quân khu hoặc BTL Thủ đô Hà Nội hoặc UBND tỉnh (thành phố).

(2) Chủ nhiệm chính trị quân khu hoặc BTL Thủ đô Hà Nội hoặc Sở Nội vụ tỉnh (thành phố).

(3) Chức vụ người ký.

.....(1)
(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....

....., ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ
 (2)

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư số/2024/TT-BQP ngày... tháng ...năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của (2), tại Công văn số/..... ngày tháng năm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ông (bà): Sinh năm:

Quê quán:

Nơi thường trú:

Nhập ngũ, tuyển dụng: Tháng năm; Xuất ngũ, thôi việc: Tháng năm

Tái ngũ: Tháng năm; Phục viên, xuất ngũ: Tháng ... năm.....

Thời gian công tác thực tế được tính hưởng chế độ lànăm..... tháng.

Số tiền trợ cấp: đồng/tháng.

Được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2012.

Nơi nhận trợ cấp hàng tháng: Nội vụ²⁷ tỉnh (thành phố)

²⁷ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Điều 2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan và ông (bà) có tên trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

-
- Bộ CHQS tỉnh
- Sở Nội vụ tỉnh
- Cá nhân tại Điều 1;
- Lưu:

..... (3)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Cấp trên trực tiếp; (2) Cấp ra quyết định; (3) Cấp đề nghị; (4) Chức vụ người ký.

Mẫu 6B

.....(1) **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2) **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/GGT-.....

....., ngày tháng năm 20.....

GIẤY GIỚI THIỆU

**Chi trả chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg
 ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ**

Kính gửi: Sở Nội vụ²⁸ tỉnh (thành phố)

..... (2) giới thiệu:

Ông (Bà): Bí danh: Năm sinh:

Quê quán:

Nơi thường trú:

Là đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế
 thuộc đối tượng được hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số
 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ.

Số năm tính hưởng trợ cấp hàng tháng là: năm tháng.

Số tiền trợ cấp là: đồng/tháng.

Nay chuyển hồ sơ (01 bộ) đến Sở Nội vụ²⁹ tỉnh (thành phố), gồm:

1. Bản khai cá nhân.
2. Bản xét duyệt và đề nghị của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh (thành phố).
3. Quyết định hưởng chế độ trợ cấp hàng tháng của (2).

Đề nghị Sở Nội vụ³⁰ tỉnh (TP) tiếp nhận và chi trả chế độ trợ cấp hàng
 tháng cho ông (bà) có tên trên từ tháng 01 năm 2012.

²⁸ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

²⁹ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

³⁰ Cụm từ “Lao động-Thương binh và Xã hội” được thay thế bằng cụm từ “Nội vụ” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ CHQS tỉnh;
- Lưu:

Ghi chú:

- (1) Cấp trên trực tiếp;
- (2) Cấp ra quyết định;
- (3) Chức danh người ký quyết định.

..... (3)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 7

.....
(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GXN

....., ngày tháng năm 20.....

GIẤY XÁC NHẬN

**Quá trình công tác của đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ
 Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975**

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính; Thông tư số/2024/TT-BQP ngày tháng... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thay thế, bãi bỏ một số quy định, mẫu biểu tại các Thông tư liên tịch của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính liên quan đến việc kê khai thông tin cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính;

Căn cứ hồ sơ lưu trữ tại cơ quan, đơn vị: (1)

..... (2) xác nhận:

Đồng chí: Bí danh Nam, nữ.

Sinh ngày tháng năm

Quê quán:

Thường trú:.....

Nhập ngũ, tuyển dụng: Ngày tháng năm; Phục viên, xuất ngũ, thôi việc: Ngày tháng năm; Tái ngũ: Ngày tháng năm

Phục viên, xuất ngũ: Ngày tháng năm

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

(thời gian có trong hồ sơ lưu trữ của cơ quan, đơn vị)

Từ tháng, năm	Đến tháng, năm	Cấp bậc, chức vụ	Cơ quan, đơn vị (c, d, e, f)	Địa bàn đóng quân (³¹ tỉnh)

³¹ Từ “huyện” được bãi bỏ theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 5 của Thông tư số 103/2025/TT-BQP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư liên tịch, Thông tư, Quyết định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về lĩnh vực chính sách, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2025.

Tổng thời gian công tác thực tế là: năm tháng.

Trong đó, thời gian trực tiếp tham gia chiến tranh BVTQ, làm nhiệm vụ quốc tế là: năm tháng.

Quá trình công tác của đồng chí đúng như hồ sơ gốc lưu trữ tại cơ quan, đơn vị (có bản sao hồ sơ lưu kèm theo), nếu có sai trái tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị các cấp xem xét giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

XÁC NHẬN
của cơ quan quản lý nhân sự
(Ký, ghi rõ chức danh)

..... (3)
(Ký tên, đóng dấu)



Ghi chú:

- (1) Loại hồ sơ lưu trữ gì;
- (2) Tên cơ quan, đơn vị xác nhận;
- (3) Chức vụ người ký.